tóng xīn xié lì

同心协力

idiom (verb phrase) · to work together with one heart; to unite efforts

Example Sentences

Dà jiā tóng xīn xié lì wán chéng le rèn wu
大家 同 心协力 完 成 了任务。

Everyone worked together with one heart to complete the task.

Zhǐ yǒu tóng xīn xié lì cái néng kè fú kùn nan
只有 同 心协力，才 能 克服 困 难。

Only by uniting efforts can we overcome difficulties.

Trace each character, then write the word on your own.

同 同 同 同 同 同 同 同 同

心 心 心 心 心 心 心

协 协 协 协 协 协 协 协 协

力 力 力 力 力